

Số: 1287/QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 44/ĐNAI-GPHĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Biên bản thẩm định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai ngày 02 tháng 10 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai, địa điểm hoạt động: khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai là Cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGĐ Sở Y tế;
- BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bình

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2024

BIÊN BẢN
Thẩm định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật
đối với Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Tên Bệnh viện: Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai, quy mô 240 giường.
1. Địa chỉ: khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
2. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.
4. Điện thoại: 02513.510.166

II. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đoàn thẩm định Sở Y tế:

- Trưởng đoàn : BS. CKII. Nguyễn Văn Bình, PGĐ Sở Y tế;
Thư ký : ThS. BS. Bùi Duy Vương, Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế;
Thành viên : CN. Bùi Thị Bạch Yến, Chuyên viên Văn phòng Sở Y tế;
: BS. CKI. Nguyễn Tất Trung, Trưởng phòng KHTH, Bệnh viện đa khoa Đồng Nai;
: BS. Phạm Trung Bắc, PTP. KHTH, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất.

2. Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai tiếp Đoàn thẩm định:

- BSCKI. Hoàng Thi Thơ – Phó Giám đốc – Phụ trách bệnh viện

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Quyết định số 568/QĐ-SYT ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai về việc thành lập Đoàn thẩm định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;
- Các văn bản có liên quan đến điều kiện hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

Thẩm định “điều kiện về năng lực cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hoạt động chuyên môn, năng lực tham gia đào tạo thực hành y khoa, năng

lực tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác và năng lực nghiên cứu về khoa học.

1. Hồ sơ pháp lý:

- Hồ sơ đề nghị xếp cấp chuyên môn kỹ thuật của Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai

- Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai được Sở Y tế Đồng Nai cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 44/ĐNAI-GPHĐ ngày 9 tháng 5 năm 2024;

- Quyết định số 2046/QĐ.UBT. ngày 30/11/1984 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Bệnh viện chuyên khoa Lao tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 736/QĐ.UBT ngày 10/6/1991 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc hợp nhất Bệnh viện Lao với Trạm chống lao, trực thuộc Sở Y tế, thành Trung Tâm phòng chống lao;

- Quyết định số 2850/QĐ.UBT ngày 21/8/1997 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đổi tên Trung tâm Phòng Chống Lao thành Trung tâm Lao và Bệnh phổi tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 355/QĐ-CT.UBT ngày 03/2/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chuyển đổi Trung tâm Lao và Bệnh phổi tỉnh Đồng Nai thành Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 22/2/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Đồng Nai thành Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 77/QĐ-SYT ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Giám đốc Sở Y tế về việc Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai.

2. Tổ chức, nhân sự bệnh viện: 144 người (18 người quản lý, 87 người chuyên môn, 39 gồm bộ phận dùng chung và hỗ trợ phục vụ)

a) Bộ phận quản lý: 18 người.

- Phó Giám đốc: 01 (1 bác sĩ CKI)

- Trưởng, phó trưởng phòng: 07 (2 phòng TCHC, 2 phòng TCKT, 1 phòng KHTH, 01 phòng Chỉ đạo tuyến, 01 phòng Điều dưỡng)

- Trưởng khoa: 6 (1 khoa Dược, 1 khoa CĐHA, 1 khoa Xét nghiệm, 1 khoa B, 1 khoa Bệnh phổi, 1 khoa khám bệnh)

- Điều dưỡng trưởng: 4 (1 khoa B, 1 Khoa Cấp cứu HSTC CĐ, 1 khoa Bệnh phổi, 1 khoa khám bệnh)

b) Bộ phận chuyên môn: 87 người.

* Chuyên môn nghiệp vụ:

- Bác sĩ: 16 người (15 bác sĩ, 1 bác sĩ CKI)

- Điều dưỡng: 48 người (8 đại học, 32 cao đẳng, 7 trung cấp, 1 sơ cấp)

- Hộ sinh: 01 người (1 cao đẳng)

- Y sĩ: 03 người

- Dược sĩ: 9 người (1 Dược sĩ CKI, 3 Dược sĩ ĐH, 4 cao đẳng, 1 trung cấp)

- Kỹ thuật y- kỹ sư: 12 người (4 đại học, 4 cao đẳng, 3 trung cấp, 1 sơ cấp)

c) Số giường bệnh:

Kế hoạch: 240 giường, thực kê 240 giường

Khoa	Giường bệnh hiện tại
Khoa cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	20
Khoa lao A	80
Khoa lao B	80
Khoa bệnh phổi	60
Tổng	240

3. Bảng tiêu chí và nội dung đánh giá

STT	NHÓM TIÊU CHÍ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	Điểm BV chấm	Điểm Đoàn thẩm định chấm
I	NĂNG LỰC CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	65 điểm	17 điểm	16 điểm
1	Năng lực thực hiện kỹ thuật	Tối đa 35 điểm	12	12
1.1	Năng lực thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt			
a	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80%	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60%	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40%	4 điểm	4	4
1.2	Năng lực thực hiện kỹ thuật loại I			
a	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80%	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60%	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê	4 điểm	4	4

	duyet đạt dưới 40%			
1.3	Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn			
a	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	4 điểm	4	4
1.4	Được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện (bao gồm cả thực hiện thí điểm) kỹ thuật mới, phương pháp mới theo quy định tại Điều 92 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
2	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	Tối đa 10 điểm		
2.1	Chủ trì xây dựng ít nhất 3 tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	10 điểm		
2.2	Chủ trì xây dựng ít nhất 1 tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	5 điểm		
3	Có thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng lâm sàng	5 điểm		
4	Trình độ chuyên môn	Tối đa 15 điểm	5 điểm	4 điểm
4.1	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa			
a	60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm		
b	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	1 điểm	1	1
4.2	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng			
a	Trên 50% có trình độ chuyên khoa I và tương	5 điểm		

2.2	Chuyên giao được 02 kỹ thuật loại I trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
IV	NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ Y HỌC	Tối đa 10 điểm		
1	Đề tài nghiên cứu khoa học	Tối đa 4 điểm		
1.1	Có ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	4 điểm		
1.2	Có ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, cấp tỉnh trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	3 điểm		
1.3	Có ít nhất 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
2	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học	Tối đa 2 điểm		
2.1	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học quốc tế trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
2.2	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học trong nước trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1 điểm		
3	Chủ trì các thử nghiệm lâm sàng trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
4	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học	Tối đa 2 điểm		
4.1	Có tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
4.2	Có tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1 điểm		
	Tổng	100 điểm	17 điểm	16 điểm

	đương			
b	Từ 30 - 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm	3	3
4.3	Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng			
a	60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm		
b	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ sau đại học	1 điểm	1	0
II	NĂNG LỰC THAM GIA ĐÀO TẠO THỰC HÀNH Y KHOA	Tối đa 15 điểm		
1	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ chuyên khoa, nội trú, thạc sỹ, tiến sỹ	15 điểm		
2	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ đại học	10 điểm		
3	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	5 điểm		
III	NĂNG LỰC THAM GIA HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHO CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÁC	Tối đa 10 điểm		
1	Chuyên gia kỹ thuật loại đặc biệt	Tối đa 5 điểm		
1.1	Chuyên gia được 02 kỹ thuật loại đặc biệt trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
1.2	Chuyên gia được trên 02 kỹ thuật loại đặc biệt trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
2	Chuyên gia kỹ thuật loại I	Tối đa 5 điểm		
2.1	Chuyên gia được trên 02 kỹ thuật loại I trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		

4. Ý kiến của đoàn thẩm định:

4.1. Năng lực cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hoạt động chuyên môn: Căn cứ Thông tư 43/2013/TT-BYT, Thông tư 21/2017/TT-BYT về số liệu thống kê trong 2 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá đã kiểm tra trực tiếp hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện kỹ thuật thành công trên người bệnh, bảng kê thanh toán:

- Năng lực thực hiện kỹ thuật:

- + Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 2,15%.

- + Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt 15,01%.

- + Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 14,49% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành.

- Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng: không.

- Trình độ chuyên môn:

- + Các trưởng khoa và phó trưởng khoa: 20% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II.

- + Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng: Đạt 45% có trình độ chuyên khoa I và tương đương.

- + Điều dưỡng trưởng, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng: không có trình độ sau đại học.

4.2. Năng lực tham gia đào tạo thực hành y khoa: Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe: không.

4.3. Năng lực tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác: Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-BYT năm 2012 quy định một số nội dung triển khai thực hiện Đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh” và Quyết định số 4026/QĐ-BYT năm 2010 quy định phân công nhiệm vụ CĐT trong lĩnh vực KBCB: không.

4.4. Năng lực nghiên cứu về khoa học: Kiểm tra trực tiếp hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện nghiên cứu khoa học và số liệu thống kê trong 2 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá: không có đề tài nghiên cứu khoa học.

5. Kết quả thẩm định:

Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai đạt 16 điểm được xếp vào cấp cơ bản.

V. KẾT LUẬN

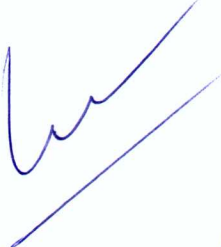
Sau khi các thành viên đoàn thẩm định và Bệnh viện có ý kiến, BS Nguyễn Văn Bình, Trưởng đoàn thẩm định kết luận như sau:

Đoàn thẩm định đồng ý đề nghị Giám đốc Sở Y tế xếp cấp chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai, địa điểm

hoạt động khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai là Cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản.

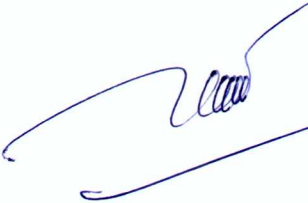
Biên bản thẩm định lập thành 02 bản có giá trị như nhau: Đoàn thẩm định giữ 01 bản, bệnh viện giữ 01 bản và kết thúc lúc 09 giờ 10 cùng ngày./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Hoàng Thị Thơ

ĐOÀN THẨM ĐỊNH

THƯ KÝ



Bùi Duy Vương

TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Văn Bình

CÁC THÀNH VIÊN


Bùi Thị Bạch Yến


Nguyễn Tất Trung


Phạm Trung Bắc